

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/ 2020

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Vĩnh

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 348/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị Đ**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp P, xã Th, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(có đơn xin vắng mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh **Thạch Na R**, sinh năm 1983

Địa chỉ: số 111 Quốc lộ 1A, Ấp B, xã Th, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. *(có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Thạch Thị Đ đề ngày 12 tháng 12 năm 2019 có nội dung sau:

Chị Thạch Thị Đ và anh Thạch Na R hai người xây dựng hôn nhân vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 219, quyền số 01/2019 cấp ngày 26 tháng 8 năm 2009.

Trong thời gian sống chung chị Thạch Thị Đ và anh Thạch Na R có với nhau năm người con chung là cháu Thạch Thị Bích N, sinh ngày 14/02/2006; cháu Thạch Thị Ngọc M, sinh ngày 18/6/2007; cháu Thạch Minh L, sinh ngày 31/7/2009; cháu Thạch Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/9/2016 và cháu Thạch Thị Ngọc G sinh ngày 21/4/2018, hiện các cháu Thạch Thị Bích N và Thạch Thị Ngọc M đang sống với anh R còn các cháu Thạch Minh L; Thạch Thị Ngọc Tr, và Thạch Thị Ngọc G đang sống với chị Đ.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân với nhau nguyên nhân do không còn phù hợp nhau về tính tình, hay xảy ra bất đồng ý kiến, mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không đem lại kết quả.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Thạch Thị Đ xác định không có.

Nay chị Đ yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Na R.

Về con chung: Chị Đ yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Thạch Minh L; Thạch Thị Ngọc Tr, và Thạch Thị Ngọc G đến tuổi trưởng thành, chị Đ không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung và chị Đ đồng ý giao cho anh R nuôi các con Thạch Thị Bích N và Thạch Thị Ngọc M đến tuổi trưởng thành, chị Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ thì anh Thạch Na R đã được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh R đến Tòa án để hòa giải, nhưng anh R không đến và anh R có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại các phiên tòa sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên và anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Đ cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh R. Về con chung, giao cháu Thạch Minh L, sinh ngày 31/7/2009; cháu Thạch Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/9/2016 và cháu Thạch Thị Ngọc G sinh ngày 21/4/2018 cho chị Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành, giao cháu Thạch Thị Bích N, sinh ngày 14/02/2006; cháu Thạch Thị Ngọc M, sinh ngày 18/6/2007 cho anh R tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành; Chị Đ và anh R không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ và anh R không có yêu cầu; Chị Đ và anh R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị Đ phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thạch Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Thạch Na R và hiện nay anh R cư trú tại ấp B, xã Th, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh R đã được triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh R vắng mặt nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Anh Rinh đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh R có đơn xin vắng mặt và chị Đ có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Đ và anh R.

[2] Về nội dung: Chị Thạch Thị Đ và anh Thạch Na R chung sống với nhau vào năm 2005 đến năm 2009 chị Đ và anh R làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 219, quyền số 01/2009 cấp ngày 26 tháng 8 năm 2009 nên hôn nhân của chị Đ và anh R được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của chị Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị Đ và anh R sống hạnh phúc được trên mười năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn hợp ý với nhau, thường xuyên mâu thuẫn gia đình mặc dù chị Đ cố gắng hàn gắn nhưng không mang lại kết quả. Chính từ những mâu thuẫn trong gia đình vợ chồng anh chị không có biện pháp hòa giải khắc phục sai sót của nhau để xây dựng một mái ấm gia đình thật sự hạnh phúc mà để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng không còn tiếp tục sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay. Cũng như trong

quá trình giải quyết vụ án thì anh R biết được việc chị Đ yêu cầu ly hôn đối với anh, nhưng anh R không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên anh R không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng trở lại. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng chị Đ và anh R hai người sống ly thân với nhau từ 2018 đến nay, thời gian sống ly thân của hai người khá lâu, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh R là cần thiết, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Thạch Thị Đ đối với anh Thạch Na R là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị Đ yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Thạch Minh L, sinh ngày 31/7/2009; cháu Thạch Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/9/2016 và cháu Thạch Thị Ngọc G sinh ngày 21/4/2018 và giao cho anh R trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thạch Thị Bích N, sinh ngày 14/02/2006; cháu Thạch Thị Ngọc M, sinh ngày 18/6/2007. Xét thấy, cháu N, M và L các cháu trên 07 tuổi, cháu N và cháu M sống với cha các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha, cháu L hiện đang sống với mẹ và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, khi cha mẹ các cháu ly hôn. Xét nguyện vọng của các cháu phù hợp với yêu cầu nuôi con của chị Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị Đ là có căn cứ. Giao cho chị Thạch Thị Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con Thạch Minh L, sinh ngày 31/7/2009; Thạch Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/9/2016 và Thạch Thị Ngọc G sinh ngày 21/4/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành và giao cho anh Thạch Na R trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con Thạch Thị Bích N, sinh ngày 14/02/2006 và Thạch Thị Ngọc M, sinh ngày 18/6/2007 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Đ và anh R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Chị Đ và anh R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định chị và anh R không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh R không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Thạch Thị Đ phải nộp 300.000 đồng; chị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000112 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề nghị việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã nêu trên, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Đ đối với anh Thạch Na R. Cho chị Thạch Thị Đ được ly hôn anh Thạch Na R.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Thạch Thị Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con: Thạch Minh L, sinh ngày 31/7/2009; Thạch Thị Ngọc Tr, sinh ngày 26/9/2016 và Thạch Thị Ngọc G sinh ngày 21/4/2018 đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Giao cho anh Thạch Na R trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con: Thạch Thị Bích N, sinh ngày 14/02/2006 và Thạch Thị Ngọc M, sinh ngày 18/6/2007 đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Đ và anh R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Chị Đ và anh R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Thạch Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000112 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã Th ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Vịnh Huỳnh Văn Hiệp

Nguyễn Văn Út

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- THADS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã Tham Đôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ..... phút, ngày 28 tháng 02 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Út**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Vịnh**

2. Ông **Huỳnh Văn Hiệp**

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:348/2019/TLST – HNGĐ ngày 23/12/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Diệp**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Phú Hưng, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Thạch Na Rinh**, sinh năm 1983

Địa chỉ: số 111 Quốc lộ 1A, Ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, THỐNG NHẤT 3/3 Ý KIẾN CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Diệp đối với anh Thạch Na Rinh. Cho chị Thạch Thị Diệp được ly hôn anh Thạch Na Rinh.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Thạch Thị Diệp trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con: Thạch Minh Tâm, sinh ngày 31/7/2009; Thạch Thị Ngọc Trâm, sinh ngày 26/9/2016 và Thạch Thị Ngọc Giàu sinh ngày 21/4/2018 đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Giao cho anh Thạch Na Rinh trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con: Thạch Thị Bích Ngọc, sinh ngày 14/02/2006 và

Thạch Thị Ngọc Mẫn, sinh ngày 18/6/2007 đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Điệp và anh Rinh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Chị Điệp và anh Rinh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Thạch Thị Điệp phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Điệp đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000112 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biên bản kết thúc vào hồi..... giờ phút, ngày 28 tháng 02 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Vịnh

Huỳnh Văn Hiệp

Nguyễn Văn Út